

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 556/2022/HNGĐ- ST

Ngày : 14/9/2022

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Trần Đức Nhì.

2. Bà: Vũ Thị Hiệp.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thùy Vân - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh* tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị My Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 336/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 336/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Đắc Mai T, sinh năm X; Địa chỉ thường trú: G, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: V, Phường O, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Thái Duy L, sinh năm Y; Địa chỉ thường trú: P, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ nơi ở: G, Phường B, Quận S, TP. Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

Người làm chứng: Anh Thái Hồ Duy P, sinh năm: Z; Địa chỉ nơi ở: G, Phường B, Quận S, TP. Hồ Chí Minh. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/6/2022 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Hồ Đắc Mai T trình bày:

Bà Hồ Đắc Mai T và ông Thái Duy L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1995, đăng ký kết hôn ngày 13/6/1995 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyển số 01/95 của Ủy ban nhân dân Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình chồng tại P, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh; Đến năm 2000 vợ chồng mua nhà G, Phường B, Quận S và về chung sống tại đây cho đến nay.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2001 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông L,

có những cư xử không tôn trọng bà T và gia đình bà T như trong đám tang của cha bà T ông L cũng không làm tròn lễ nghĩa..., khi bà T góp ý ông L đứng lên bỏ đi không nghe, để gia đình yên ả bà T đã cố nhẫn nhịn.

Năm 2007 bà T phát hiện ông L có người phụ nữ khác bên ngoài, bà T góp ý thì ông L đòi ly hôn, do con còn nhỏ, bà T muốn con có gia đình trọn vẹn nên bà T tiếp tục nhẫn nhịn, sự việc kéo dài đến năm 2010 ông L mới chấm dứt và xin lỗi bà T. Từ đó vợ chồng chung sống lại, nhưng ông L vẫn không tôn trọng, hay gây sự, lớn tiếng chửi mắng, quát nạt bà T trước mặt mọi người và gia đình bà T.

Ngoài ra, ông L hay tụ tập bạn bè nhậu nhẹt, không quan tâm vợ con. Bà T góp ý thì ông L không nghe, bỏ đi, bà T nhắn tin, viết thư nhưng ông L không đọc. Bà T nhận thấy không được tôn trọng, ông L không lắng nghe, không chăm sóc, quan tâm gia đình, vợ chồng không có sự chia sẻ, không có tiếng nói chung.

Gia đình bà T và gia đình ông L đều biết mâu thuẫn của vợ chồng nhưng gia đình bà T không có tác động vì biết có khuyên nhủ thì ông L cũng không nghe. Bà T có nhờ em trai của ông L (vì ông L chỉ có em trai là người thân biết sự việc) khuyên nhủ ông L nhưng cũng không được.

Vào tháng 5/2021 khi dịch bắt đầu bùng phát, bà T có khuyên ông L không nên ra ngoài nhậu mỗi ngày, ông L cứ nhậu ở nhà để tránh bị lây lan dịch bệnh nhưng ông L không nghe. Vì vậy, cuối tháng 5/2021 bà T bỏ về nhà mẹ ruột sống 01 tháng, sau đó ông L cam kết sửa đổi và con trai Thái Hồ Duy P có khuyên nhủ nên bà T quay về chung sống lại thì phát hiện ông L vẫn giữ nguyên tính cũ, không thay đổi. Từ đó, dù vẫn sống chung nhà nhưng vợ chồng ít nói chuyện, mỗi người có cuộc sống riêng, không còn quan tâm nhau. Đến tháng 5/2022, sau sự việc ông L cãi nhau với em bà T trong lần xem bóng đá đã làm mâu thuẫn cao trào, từ đó vợ chồng ly thân cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng ly thân ông L chỉ vài lần điện thoại khuyên bà T quay về.

Từ sau những lần hòa giải tại Tòa án cho đến nay ông L và bà T vẫn không hàn gắn được. Ông L còn có những lời lẽ xúc phạm danh dự, nhân phẩm bà T làm mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn.

Vì các con, bà T đã nhẫn nhịn, chịu đựng cuộc sống hôn nhân ngọt ngạt gần 10 năm qua. Nay các con đã trưởng thành, vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T xin ly hôn với ông L.

Về con chung: Có 02 con chung gồm Thái Hồ Duy P1, sinh năm W và Thái Hồ Duy P, sinh năm Z. Cả 02 con chung đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- *Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn ông Thái Duy L trình bày:*

Ông L xác nhận về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống cũng như về con chung, tài sản chung, nợ chung giữa ông L và bà Hồ Đắc Mai T là đúng như bà T trình bày.

Về mâu thuẫn vợ chồng:

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2001 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Ông L thừa nhận, trước đây ông có sai, không chung thủy, có người phụ nữ khác và từng yêu cầu ly hôn với bà T vào năm 2007 nhưng sau đó ông L đã chấm dứt với

những người phụ nữ khác vào năm 2008 và xin lỗi bà T, vợ chồng hàn gắn.

Do nóng tính nên ông L có hay lớn tiếng với bà T, một phần là do bà T hay nấu ăn, phục vụ cho gia đình bà T nhưng ông L không đồng ý, vì ông L và gia đình vợ không hợp. Trong những lần nhậu nhẹt với gia đình bà T, không kiềm chế nên ông với các anh chị em của bà T có cự cãi. Gần nhất là tháng 5/2022, sau khi ông L cự cãi với em bà T thì mâu thuẫn vợ chồng cũng căng thẳng hơn, bà T về nhà mẹ ruột ở, vợ chồng ly thân cho đến nay. Ông L có điện thoại vài lần khuyên bà T quay về nhưng bà T không đồng ý, từ đó ông cũng không liên lạc nữa.

Ông L làm cò nhà đất nên hay đi nhậu, không có thời gian quan tâm, chăm sóc vợ con, mọi chuyện trong gia đình, con cái đều do bà T lo liệu. Trước đây, bà T có hay nói chuyện góp ý về tính cách, cư xử của ông L, những lần như vậy vợ chồng hay cự cãi nên ông L không nghe và thường bỏ đi. Về sau, bà T có nhắn tin, gửi thư góp ý nhưng ông L đã xóa và không đọc các thư vì nghĩ bà T do kích động, xúi giục của gia đình vợ nên ông L không quan tâm. Từ năm 2021, bà T ít nói chuyện với ông hơn, thỉnh thoảng ông có nói bà T đi uống cà phê với ông nhưng bà T không đi, từ đó ông cũng ít nói chuyện với bà T dù vẫn ở chung nhà.

Từ sau các buổi hòa giải tại Tòa án ông L chỉ gặp bà T được một vài lần vì bà T luôn tránh mặt ông L. Nay ông L đã nhận thấy những sai lầm của ông L đối với bà T như nêu trên làm ảnh hưởng tình cảm vợ chồng dẫn đến bà T xin ly hôn. Tuy nhiên, ông L không đồng ý ly hôn vì muốn gia đình được trọn vẹn. Ông L cam kết sẽ sửa đổi bản thân, mong bà T cho ông L cơ hội để vợ chồng hàn gắn. Trường hợp bà T vẫn kiên quyết ly hôn không chịu hàn gắn thì ông L đồng ý ly hôn nhưng ông L xin được vắng mặt không tham dự phiên Tòa.

Về con chung: Có 02 con chung gồm Thái Hồ Duy P1, sinh năm W và Thái Hồ Duy P, sinh năm Z. Cả 02 con chung đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên Tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên ý kiến trình bày nêu trên, không đồng ý hàn gắn với ông L vì cho rằng ông L chỉ nói lời xin lỗi nhưng thực tế không thay đổi tính tình, vẫn xúc phạm bà T cho đến thời điểm hiện nay. Ông L điện thoại cho người thân, bạn bè của bà T nói xấu bà T cho rằng bà T không chung thủy, có người khác nên kiên quyết ly hôn với ông L.

Người làm chứng anh Thái Hồ Duy P trình bày: P là con của ông Thái Duy L và bà Hồ Đắc Mai T. Quá trình chung sống với ba mẹ từ khi biết nhận thức năm 2009, qua những lần ba mẹ cãi vã P biết được mâu thuẫn của ba mẹ xuất phát từ việc ba có người phụ nữ khác, hay quát nạt, không tôn trọng mẹ. Mẹ không có tiếng nói trong nhà, không chia sẻ được với ba vì ba không lắng nghe. Cuối tháng 5/2021 mẹ từng bỏ nhà đi vì ba hay đi nhậu bên ngoài dù dịch bệnh bùng phát. P đã khuyên nhủ mẹ quay về để lo cơm nước cho ba, vì sợ ba ở một mình không ai chăm sóc, dịch bệnh nguy hiểm. Tuy nhiên, khi mẹ quay về thì ba vẫn không thay đổi. Từ khi mẹ nộp đơn xin ly hôn, P có nghe ba xúc phạm mẹ, P đã trấn an ba, nhưng sự việc cũng không cải thiện.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán,

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình từ khi tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Ông Thái Duy L có đăng ký hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay bà T có đơn xin ly hôn nên Tòa án nhân dân Quận S thụ lý và giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông L vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt đề ngày 18/8/2022. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Hồ Đắc Mai T và ông Thái Duy L tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyền số 01/95, ngày 13/6/1995 của Ủy ban nhân dân Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà T và ông L có 02 con chung gồm Thái Hồ Duy P1, sinh năm W và Thái Hồ Duy P, sinh năm Z. Cả 02 con chung đều đã trưởng thành.

Xét yêu cầu của nguyên đơn,

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “ Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”; “Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau.....” khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “...Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Nhận thấy, ông L và bà T cùng xác định, quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2001 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn.

Bà T cho rằng ông L không tôn trọng bà T, thường quát nạt và có những lời lẽ xúc phạm bà T dù bà T có góp ý nhưng ông L cũng không lắng nghe, không sửa đổi nên từ tháng 6/2021 bà T ít nói chuyện với ông L, chuyện ai người đó làm, không còn quan tâm nhau.

Về phía ông L cũng thừa nhận bản thân có những sai lầm trong sinh hoạt gia đình, không làm tròn trách nhiệm của một người chồng dẫn đến ảnh hưởng tình cảm vợ chồng. Ông L mong muốn bà T cho ông L cơ hội sửa đổi để vợ chồng hàn gắn nhưng bà T không đồng ý.

Bà T và ông L ly thân từ tháng 5/2022 cho đến nay, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần hòa giải cho ông L và bà T nhưng không thành, bà T vẫn giữ yêu cầu ly hôn. Ông L không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, đồng thời theo bản tự khai ngày 22/8/2022 thì ông L đồng ý ly hôn với bà T nhưng xin được vắng mặt không tham dự phiên Tòa.

Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở nhận định, hôn nhân giữa bà T và ông L đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là thỏa đáng.

[3] Về con chung: Bà T và ông L có 02 con chung gồm Thái Hồ Duy P1, sinh năm W và Thái Hồ Duy P, sinh năm Z. Cả 02 con chung đều đã trưởng thành nên Toà án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà Hồ Đắc Mai T và ông Thái Duy L xác nhận hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

[5] Về nợ chung: Bà Hồ Đắc Mai T và ông Thái Duy L xác nhận không có. Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

[6] Về án phí: Bà Hồ Đắc Mai T phải chịu án phí theo quy định tại điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 19, 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016).

TUYÊN XỬ:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Hồ Đắc Mai T đối với ông Thái Duy L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyển số 01/95, ngày 13/6/1995 của Ủy ban nhân dân Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Thái Duy L và bà Hồ Đắc Mai T không còn giá trị pháp lý.

2/ Về con chung: Bà Hồ Đắc Mai T và ông Thái Duy L có 02 con chung gồm Thái Hồ Duy P1, sinh năm W và Thái Hồ Duy P, sinh năm Z. Cả 02 con chung đều đã trưởng thành nên Toà án không xem xét.

3/ Về tài sản chung: Bà Hồ Đắc Mai T và ông Thái Duy L không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4/ Về nợ chung: Bà Hồ Đắc Mai T và ông Thái Duy L xác định không có.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hồ Đắc Mai T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu số 0012225 ngày 13/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận S, TP. Hồ Chí Minh.

Bà Hồ Đắc Mai T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Thái Duy L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- UBND P3, Q.6, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Kim Thương